

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 345/2024/DS-PT
Ngày 05 – 9 – 2024
V/v tranh chấp giao dịch hui, vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Trung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 255/2024/TLPT-DS ngày 30 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp giao dịch hui, vay”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 143/2024/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 212/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1987.

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Thạch Thị T, sinh năm 1987; Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (văn bản ủy quyền ngày 02/01/2024, có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Trần Thị Ú, sinh năm 1971 (có mặt).

2. Ông Trần Văn K, sinh năm 1972 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: Ông Trần Văn K là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bà **Thạch Thị T** trình bày:

Năm 2020, vợ chồng bà có mở nhiều dây hội, trong đó có vợ chồng bà **Trần Thị Ú** và ông **Trần Văn K** tham gia 4 dây. Cụ thể:

Dây hội thứ 1: Mở ngày 10/7/2020 (al), loại hội 1.000.000 đồng, gồm 45 chân, mỗi tháng khai một kỳ, bà **Ú** và ông **K** tham gia 01 chân, đóng được 10 kỳ thì hốt hội, số tiền hốt hội 28.700.000 đồng. Bị đơn nợ hội chết số tiền 21.000.000 đồng.

Dây hội thứ 2: Mở ngày 10/7/2020 (al), loại hội 1.000.000 đồng, gồm 45 chân, mỗi tháng khai một kỳ, bà **Ú** và ông **K** tham gia 01 chân, đóng được 11 kỳ thì hốt hội, số tiền hốt hội 32.040.000 đồng. Bị đơn nợ hội chết số tiền 21.000.000 đồng.

Dây hội thứ 3: Mở ngày 15/11/2020 (al), loại hội 1.000.000 đồng, gồm 30 chân, mỗi tháng khai một kỳ, bà **Ú** và ông **K** tham gia 01 chân, hốt hội ở kỳ đầu, số tiền hốt hội 17.255.000 đồng. Bị đơn nợ hội chết số tiền 8.500.000 đồng.

Dây hội thứ 4: Mở ngày 15/11/2020 (al), loại hội 2.000.000 đồng, gồm 28 chân, mỗi tháng khai một kỳ, bà **Ú** và ông **K** tham gia 01 chân, đóng được 01 kỳ thì hốt hội, số tiền hốt hội 30.860.000 đồng. Bị đơn nợ hội chết số tiền 16.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà **Ú** và ông **K** còn hỏi vay của vợ, chồng bà như sau:

Ngày 12/12/2020 (al) vay 20.000.000 đồng;

Ngày 25/12/2021 (al) vay 15.000.000 đồng;

Ngày 27/12/2021 (al) vay 15.000.000 đồng;

Tháng 12/2021 (al) vay 30.000.000 đồng.

Nay yêu cầu bà **Trần Thị Ú** và ông **Trần Văn K** trả cho vợ, chồng bà tiền hội là 66.500.000 đồng và tiền vay là 80.000.000 đồng.

Bị đơn, bà **Trần Thị Ú** trình bày:

Bà thừa nhận có tham gia chơi 04 chân hội trong 04 dây hội do vợ chồng bà **Thạch Thị T** và ông **Đỗ Văn H** làm chủ hội. Các chân hội này bà đã hốt nhưng số tiền hội chết của 02 chân hội trong 02 dây hội mở ngày 15/11/2020 bà đã đóng đủ; còn nợ lại hội chết 02 chân hội trong 02 dây hội mở ngày 10/7/2020 mỗi chung 8.000.000 đồng, hai chân là 16.000.000 đồng. Đối với số tiền vay, bà chỉ vay của ông **H** và bà **T** 45.000.000 đồng. Đối với 02 biên nhận còn lại, bà đã ký tên vay trước đó và đã trả xong nhưng bà **T** và ông **H** không xé bỏ biên nhận. Do đó, bà chỉ chấp nhận trả số tiền vay 45.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 143/2024/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh **Đỗ Văn H**. Buộc ông **Trần Văn K** và bà **Trần Thị Ú** phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền 146.500.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/6/2024, ông **Trần Văn K** có đơn kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chỉ đồng ý trả 16.000.000 đồng tiền hụi và 45.000.000 đồng tiền vay.

Ông **Trần Văn K** có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt và yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận tại phiên toà:

Bà **Trần Thị Ú** tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông **Trần Văn K**. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 143/2024/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông **Trần Văn K**, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông **Trần Văn K**, bà **Trần Thị Ú** thừa nhận có tham gia góp 4 chân hụi của 4 dây hụi mà nguyên đơn khởi kiện. Ông **K**, bà **Ú** đã hót 4 chân hụi trên và nhận tiền hót hụi đầy đủ. Ông **K**, bà **Ú** cho rằng ông chỉ còn thiếu hụi chết hai chân của hai dây hụi ngày 10 tháng 7 năm 2020, mỗi chân 8.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, tại Điều 13 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hụi, biếu, phụng dưỡng quy định: “Khi góp hộ, lĩnh hộ, nhận lãi, trả lãi hoặc thực hiện các giao dịch khác có liên quan thì thành viên góp hộ có quyền yêu cầu chủ hộ hoặc người lập và giữ sổ hộ cấp giấy biên nhận”. Theo quy định trên, thành viên góp hụi phải chứng minh đã góp hụi thông qua các biên nhận góp hụi do chủ hụi cung cấp. Ông **K** đã hót hụi cả 4 chân hụi và đã nhận tiền hót hụi xong nhưng không chứng minh được đã đóng hụi cho nguyên đơn chỉ còn thiếu 16.000.000 đồng. Do đó, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền chưa góp hụi là 66.500.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

[2] Đối với các khoản vay, bị đơn thừa nhận có làm biên nhận vay số tiền 80.000.000 đồng tại các biên nhận ngày 12/12/2020 (al) vay 20.000.000 đồng; ngày 25/12/2021 (al) vay 15.000.000 đồng; ngày 27/12/2021 (al) vay 15.000.000 đồng; tháng 12/2021 (al) vay 30.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng đã trả được 35.000.000 đồng tại khoản vay ngày 12 tháng 12 năm 2020 và khoản vay ngày 25 tháng 12 năm 2021 nhưng không lấy lại biên nhận. Hội đồng xét xử xét thấy, ông **K**, bà **Ú** thừa nhận có vay số tiền số tiền 35.000.000 đồng tại hai biên nhận ngày 12/12/2020 và ngày 25 tháng 12 năm 2021 trên nhưng không có chứng cứ chứng minh đã trả xong số tiền 35.000.000 đồng trên. Trong khi, nguyên đơn

vẫn còn giữ hai biên nhận số tiền 35.000.000 đồng trên nên yêu cầu kháng cáo của ông **K** không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông **Trần Văn K**. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 143/2024/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông **Trần Văn K** phải chịu 300.000 đồng; ông **K** có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng, được chuyển thu án phí.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông **Trần Văn K**.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 143/2024/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh **Đỗ Văn H**. Ông **Trần Văn K** và bà **Trần Thị Ú** phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh **H** số tiền 146.500.000 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông **Trần Văn K** và bà **Trần Thị Ú** phải chịu 7.325.000 đồng. Anh **Đỗ Văn H** không phải chịu án phí. Ngày 07 tháng 3 năm 2024, anh **H** có nộp tạm ứng án phí số tiền 4.113.000 đồng theo biên lai số: 0004648 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông **Trần Văn K** phải chịu 300.000 đồng. Ngày 19/7/2024, ông **K** có nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0005327 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Trung